

CẦN THIẾT PHẢI CÓ MỘT BỘ TIÊU ĐỀ ĐỀ MỤC TIẾNG VIỆT TRONG NGÀNH THÔNG TIN THƯ VIỆN VIỆT NAM

LÊ NGỌC OÁNH, ML.

Dể kiểm soát thư tịch (bibliographic control) và cung cấp thông tin (information provision) về các tài liệu mà một thư viện hay liên hợp thư viện có cho người sử dụng, người ta phải biên mục (cataloguing) các tài liệu đó. Biên mục tài liệu là một công đoạn trong ngành thông tin-thư viện nhằm ghi trên một phiếu mục lục thủ công (manual catalogue card) hay trên một biểu ghi thư tịch trực tuyến (online bibliographic record) các nét đặc trưng bên ngoài của một tài liệu và xác định nội dung của tài liệu đó. Do đó, người ta mô tả một tài liệu cho người sử dụng dưới hai hình thức: mô tả thư tịch (bibliographic description) hay còn gọi là biên mục mô tả (descriptive cataloguing) và mô tả nội dung.

Mô tả thư tịch:

Là sự chuẩn bị về thông tin thư tịch (bibliographic information) cho các biểu ghi mục lục (catalogue records). Người biên mục phải tuân theo các quy tắc và tiêu chuẩn được quốc tế thỏa thuận. Đó là *Tiêu chuẩn Mô tả Thư tịch Quốc tế ISBD* (International Standard Bibliographic Description) được phát triển một cách chi tiết, cụ thể theo các *Quy tắc Biên mục Anh Mỹ, Ấn bản hai AACR2* (Anglo-American Cataloguing Rules 2nd edition). Theo các chuẩn và quy tắc này, người ta mô tả các

nét đặc trưng bên ngoài hay lý lịch của một tài liệu trên một biểu ghi thư tịch gồm có một dẫn mục mô tả (entry) chứa đựng các thông tin đã được tiêu chuẩn hóa như nhan đề, tác giả, lần xuất bản, chi tiết xuất bản (nơi, nhà, năm xuất bản) và phần mô tả vật chất (physical description) của tài liệu (số trang, minh họa, kích cỡ), cũng như từng thư của nó và số tài liệu theo tiêu chuẩn quốc tế (ISBN, ISSN, .).

Ngày nay, đa số các thư viện ở Việt Nam đã biên mục tài liệu theo 8 vùng mô tả của ISBD này.

Tuy nhiên với phần mô tả thư tịch này, thư viện và các cơ sở thông tin chỉ giúp cho người sử dụng tiếp cận với tủ mục lục phiếu thủ công (manual card catalogue) hay truy cập trên mục lục trực tuyến (online catalogue) để tìm một tài liệu qua mục lục nhan đề (title catalogue) khi đã biết được nhan đề tài liệu đó, hoặc một hay những tài liệu của một tác giả qua mục lục tác giả (author catalogue) khi đã biết tên tác giả đó.

Phần mô tả thư tịch này không giúp được nhiều cho người làm công tác sưu tầm, nghiên cứu khi muốn tìm tất cả những tài liệu mà một thư viện hay liên hợp thư viện có theo một đề tài hay chủ đề.

Mô tả nội dung và tiêu đề đề mục.

Mô tả nội dung là một tập hợp các công đoạn, ở đó người ta trình bày nội dung một tài liệu bằng một hay một số từ, cụm từ hay ký hiệu.

Người ta không thể dùng ngôn ngữ tự nhiên (natural language) để mô tả nội dung tài liệu vì không nắm được thực chất nội dung tài liệu do tính mơ hồ, phong phú, đa nghĩa của ngôn ngữ tự nhiên.

Để khắc phục những khó khăn về mặt ngữ nghĩa, người ta dùng ngôn ngữ tư liệu (documentary language) để mô tả nội dung cơ bản của tài liệu, phục vụ việc lưu trữ và tìm kiếm thông tin. Đó là ngôn ngữ nhân tạo trong đó mỗi thuật ngữ có một ý nghĩa duy nhất đối với tất cả những ai sử dụng nó.

Ngôn ngữ tư liệu được xây dựng thỏa mãn 3 yêu cầu:

- Quan hệ ngữ nghĩa là một - một: một thuật ngữ diễn tả một sự vật.
- Quan hệ cú pháp là nhất quán: chỉ có một cách biểu đạt.
- Không phụ thuộc vào ngữ cảnh: tránh tính chủ quan của người sử dụng.

Nó được xây dựng trên hai yếu tố cơ bản:

- Vốn từ vựng của ngôn ngữ: Đó là các từ chuẩn rút ra từ ngôn ngữ tự nhiên, thu gọn dưới một dạng ngữ pháp duy nhất.
- Các yếu tố cú pháp: Đó là cách trình bày hoặc cách sử dụng các thuật ngữ, có thể là các ký hiệu để nối chúng với nhau.

Việc mô tả nội dung tài liệu có thể được thực hiện ở nhiều mức độ khác nhau. Mô tả nội dung càng sâu sắc thì giá trị sử dụng càng cao. Đối với một tài liệu, thường có bốn mức mô tả chính sau đây theo mức độ sâu sắc tăng dần:

- *Phân loại* (Classifying): là xác định một con số sắp loại cho những tài liệu; nó tiêu biểu cho đề tài bằng một con số và những chữ.
- *Định đề mục hay chủ đề* (Assigning subject): là xác định các đề mục hay chủ đề; nó tiêu biểu cho đề tài hay những đề tài của tác phẩm bằng những từ hay cụm từ.
- *Làm chỉ mục* (Indexing): là liệt kê một số từ chuẩn rút ra từ nội dung, đề tài của tài liệu.
- *Tóm tắt* (Abstracting): là cô đọng tài liệu bằng một bài viết ngắn.

Đối với tất cả các công đoạn này, đa số các thư viện và nhà xuất bản ở Việt Nam chỉ thực hiện được công đoạn 1 là phân loại tài liệu. Còn 3 công đoạn sau thường bỏ qua, khiến người sử dụng không khai thác hết được các nội dung của tài liệu; và do đó, công tác sưu tầm, nghiên cứu trở nên yếu kém.

Phân loại tài liệu:

Đây là mô tả nội dung tài liệu ở mức độ sơ cấp nhất. Nó là công đoạn xác định nội dung hay đề tài chính của tài liệu và thể hiện bằng một thuật ngữ thích hợp của ngôn ngữ tư liệu, thường là một chỉ số trong khung phân loại. Phân loại nhằm giúp xếp tài liệu trên giá theo môn loại.

Trước đây, các thư viện ở Việt Nam dùng khung phân loại BBK hay 19 dãy. Ngày nay, đã có chỉ thị các thư viện nên sử

dụng khung Phân loại Thập phân Dewey DDC (Dewey Decimal Classification); và trong tương lai, khi các thư viện ở Việt Nam phát triển tối đa, nhất là các thư viện đại học và thư viện của các viện nghiên cứu, có thể chúng ta sẽ sử dụng khung Phân loại của Thư viện Quốc hội Hoa kỳ LCC (Library of Congress Classification).

Trước đây, người ta thường dựa vào chỉ số phân loại của một khung phân loại để thiết lập *mục lục phân loại* (classified catalogue). Đó là một loại mục lục đề mục hay chủ đề được sắp xếp một cách hệ thống mà dùng số phân loại. Trong một hộc phiếu mục lục, các phiếu hướng dẫn (guide cards) thường ghi một dẫn mục số phân loại (classification entry) chính lấy trong bảng phân loại mà các phiếu mục lục xếp sau phiếu hướng dẫn này đều có cùng một số phân loại chính. Bên cạnh số phân loại trên phiếu hướng dẫn này người ta thường ghi thuật ngữ chỉ đề tài hay chủ đề tương ứng với số phân loại này.

Người sử dụng có thể dùng mục lục phân loại này để tìm tất cả những tài liệu trong một thư viện hay liên hợp thư viện có cùng một số phân loại hoặc đề tài hay chủ đề. Tuy nhiên, người sử dụng phải thuộc bảng phân loại tức là biết mỗi ký hiệu phân loại tiêu biểu cho một đề tài hay chủ đề nào. Điều này không dễ đối với người sử dụng thông thường.

Điều trở ngại thứ hai là các phiếu mục lục ở đây lại sắp theo thứ tự số phân loại. Còn các thuật ngữ chỉ đề tài hay chủ đề ghi bên cạnh số phân loại dĩ nhiên là không theo thứ tự chữ cái nên khó cho người tìm kiếm thông tin theo nội dung.

Điều khiếm khuyết thứ ba là ký hiệu phân loại không phản ánh hết mọi khía cạnh của đề tài. Hơn nữa, trong bảng phân loại Dewey chẳng hạn, chỉ có 22000 dẫn mục chính, cộng thêm với các ký hiệu của các bảng phụ thì chỉ số phân loại chỉ lên tới trên 50000. Trong khi đó, các đề tài có thể lên tới hàng trăm nghìn.

Điều bất cập cuối cùng là mỗi phiếu mục lục phân loại chỉ phản ánh một đề tài; trong khi một tài liệu có thể có nhiều nội dung chính mà người sử dụng cần tìm đọc.

Vì những nhược điểm này nên ngày nay nhiều thư viện không còn thiết lập mục lục phân loại nữa.

Định đề mục hay chủ đề (assigning subject):

Đây là mô tả nội dung tài liệu ở mức độ sâu sắc hơn hay còn gọi là biên mục đề mục hay chủ đề (subject cataloguing). Nó là công đoạn xác định những khái niệm và nội dung mà tài liệu đề cập tới và thể hiện bằng một số thuật ngữ (hay từ vựng có kiểm soát) của ngôn ngữ tư liệu. Đến đây, chúng ta cần phải phân biệt hai loại ngôn ngữ tư liệu:

1. Ngôn ngữ tiền kết hợp (pre-coordination language):

Đó là những ngôn ngữ có cấu trúc chặt chẽ theo cấp bậc một cách hệ thống. Người biên mục sắp xếp những thành phần của một tiêu đề (những từ chuẩn) để tạo nên những tiêu đề đề mục (subject headings) cụ thể theo một trật tự định trước.

Người biên mục phải tuân thủ 9 nguyên tắc thiết lập và 2 nguyên tắc ứng dụng của Liên Hiệp các Hiệp hội Thư viện

Thế Giới IFLA (International Federation of Library Associations and Institutions) đề án định tiêu đề đề mục cho tài liệu. Một trong những nguyên tắc quan trọng là Nguyên tắc tiêu đề thống nhất (uniform heading principle): mỗi đề tài chỉ được biểu thị bởi một tiêu đề đề mục nhất định. Nguyên tắc này được khai triển và làm rõ hơn bằng Nguyên tắc từ đồng nghĩa (synonym principle): các từ đồng nghĩa phải được kiểm soát trong ngôn ngữ tiêu đề đề mục, nghĩa là chỉ có một từ được chọn làm tiêu đề đề mục, còn các từ đồng nghĩa khác phải được bao gồm trong khung đề mục như là những từ tham chiếu; và Nguyên tắc hệ biến từ với các quan hệ tương đương (paradigmatic principle with equivalence relationships).

Hai khung tiêu đề đề mục chuẩn hiện nay mà các thư viện ở Việt Nam có thể dựa vào để soạn một bộ ngôn ngữ tiêu đề đề mục bằng tiếng Việt là *Khung Tiêu đề Đề mục của Thư viện Quốc hội Hoa kỳ LCSH* (Library of Congress Subject Headings) và một khung tiêu đề đề mục dành cho thư viện vừa và nhỏ là *Danh mục Tiêu đề Đề mục của Sears* (Sears List of Subject Headings). Với những tiêu đề đề mục có sẵn này, người dùng tin chỉ cần căn cứ vào đó để định vị tài liệu và tập hợp những nội dung, đề tài muốn tìm qua *mục lục đề mục* hay *chủ đề* (subject catalogue) mà không cần phải có một ý niệm kết hợp nào trong chiến lược tìm tin của mình.

Ví dụ 1. Với nhan đề:

Thực trạng kinh tế Việt Nam thời mở cửa

Người tìm tin có thể tìm ra tài liệu này và định vị nó trên giá sách dưới đề mục:

Việt Nam – Điều kiện kinh tế – Thời kỳ đổi mới, 1986.

Người tìm tin cũng có thể tìm ra tất cả những tài liệu khác trong một thư viện hay liên hợp thư viện có nội dung tương tự như nội dung của tiêu đề đề mục nêu trên.

Ví dụ 2. Với nhan đề:

Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc

Người tìm tin có thể tìm ra loại tài liệu này và định vị nó trên giá sách dưới đề mục:

Việt Nam – Chính trị và chính quyền.

Việt Nam – Chính sách đối ngoại.

Việt Nam – Quan hệ đối ngoại.

Hơn nữa, người tìm tin còn có thể tìm ra tất cả những tài liệu khác có trong một thư viện hay một liên hợp thư viện có nội dung tương tự như nội dung của 3 tiêu đề đề mục nêu trên.

Trong trường hợp người tìm tin không nắm vững cấu trúc của tiêu đề đề mục vì nó là ngôn ngữ tự nhiên, họ có thể sử dụng ngôn ngữ tự nhiên như: *Chính sách đối ngoại của Việt Nam* và họ có thể tìm thấy một phiếu tham chiếu (reference card) trong mục lục đề mục dẫn đến tiêu đề đề mục đã được định trước.

2. Ngôn ngữ hậu kết hợp (post-coordination language):

Đó là những ngôn ngữ có cấu trúc tổ hợp. Người sử dụng có thể dùng toán tử Boolean (AND, NOT, OR) để kết hợp những từ chuẩn và từ khóa tự do trong chiến lược tìm tin của mình.

Người sử dụng có thể dùng các từ và cụm từ trong các từ điển từ chuẩn, danh

mục các từ chuẩn, danh mục các từ khóa để làm các cấu trúc tổ hợp cho loại ngôn ngữ hậu kết hợp này.

Ví dụ 1. Với nhan đề:

Thực trạng kinh tế Việt Nam thời mở cửa

Người tìm tin có thể tìm ra tài liệu này dưới các từ khóa sau đây:

Thực trạng

Kinh tế

Việt Nam

Mở cửa (hay Đổi mới)

hoặc là dùng toán tử Boolean để kết hợp các từ khóa này, tìm tài liệu trên mạng máy tính:

Thực trạng AND kinh tế AND Việt Nam AND đổi mới

Ví dụ 2. Với nhan đề:

Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc

Người ta có thể tìm ra tài liệu này dưới các từ khóa sau đây:

Quốc tế

Bản sắc

Hội nhập

Giữ vững

hoặc là dùng toán tử Boolean để kết hợp các từ khóa này, tìm tài liệu trên mạng máy tính:

Quốc tế AND bản sắc AND hội nhập AND giữ vững

Ngôn ngữ hậu kết hợp có thể giúp người biên mục làm chỉ mục (indexing) các bài đăng trong tạp chí và các tài liệu không phải là sách, và giúp người sử dụng định vị các tài liệu.

Nói tóm lại, Ngôn ngữ tiền kết hợp được dùng chủ yếu trong công tác biên mục sách và những tài liệu thông tin khác

là công việc vô cùng quan trọng mang tính nghiệp vụ cao nhất của người cán bộ thư viện; trong khi đó công việc hậu kết hợp chủ yếu dùng cho người dùng tin. Thế nhưng ở nước ta Ngôn ngữ tiền kết hợp hầu như bị lãng quên!. Ngay trong giáo trình *Thông tin học* của Giáo sư Đoàn Phan Tân cũng có đề cập đến hai loại ngôn ngữ tiền và hậu kết hợp. Giáo sư giải thích rất rõ về các từ chuẩn: các nét đặc trưng cơ bản, các mối quan hệ và các cách trình bày của nó. Tuy nhiên, tuyệt đối Ông không giải thích gì thêm về ngôn ngữ tiền kết hợp và các tiêu đề đề mục của nó.

Sự khác biệt giữa tiêu đề mục và các từ chuẩn, từ khóa trong ngôn ngữ hậu kết hợp.

• Tiêu đề đề mục:

- Mỗi tiêu đề đề mục phản ánh toàn bộ hay một phần quan trọng của nội dung tác phẩm- mục đích là để tiếp cận với những đề tài quan trọng nhất của một tác phẩm. Do đó, một tác phẩm chỉ có thể ấn định từ 1 đến 10 tiêu đề đề mục, phản ánh từ 1 đến 10 đề tài chính của tác phẩm là tối đa, thường chỉ là 1 đến 2, 3 tiêu đề đề mục.
- Tiêu đề đề mục tiêu biểu chính xác nội dung của một tác phẩm, không rộng hơn mà cũng không hẹp hơn. Chỗ nào, một tiêu đề chính xác không thể ấn định được, ta ấn định một tiêu đề có ý nghĩa rộng lớn hơn hay tổng quát hơn đề tài một bậc.
- Ta có thể ghép thêm vào tiêu đề đề mục chính các tiểu phân mục (subdivisions) để thu hẹp nội dung, phản ánh một cách chính xác và rõ hơn về đề tài. Các tiểu phân mục đó là tiểu phân mục về đề tài (topical subdivision) (vd: *Ô tô – Động cơ –*

Bộ hòa khí; Bộ hòa khí đó là một tiểu phân mục đề tài nằm trong đề tài *Động cơ*; *Động cơ* đó là một tiểu phân mục đề tài nằm trong đề tài *Ô tô*); tiểu phân mục hình thức (form subdivision) (vd: *từ điển, bách khoa từ điển, ấn phẩm định kỳ*.); tiểu phân mục thứ tự thời gian (chronological subdivision) (vd: *thế kỷ 18, 1961* .); tiểu phân mục địa lý

(geographic subdivision) (vd: *Việt Nam, Đông Nam Á*).

Mục lục đề mục hay chủ đề gồm những phiếu đề mục rất hữu ích cho công việc sưu tầm, nghiên cứu. Dưới một tiêu đề đề mục, người sử dụng có thể tìm thấy từ một đến vài chục tác phẩm có trong một thư viện hay liên hợp thư viện phù hợp nhất với những đề tài mình đang đi tìm kiếm để khai thác và sử dụng.

Ký hiệu
xếp giá
Tiêu đề chính

Phần mô tả

Phần liệt kê đề mục
và Tiêu đề khác

	<u>959.7041</u> RO-J
Roy, Jules	
Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt người Pháp / Jules Roy ; Bùi Thân Phụng dịch. Tp. Hồ Chí Minh : Nhà xb TpHCM, 1994. 979 tr ; 21 cm.	
1. Điện Biên Phủ, Trận đánh, 1954. 2. Việt Nam – Lịch sử - Kháng chiến chống Pháp I . Bùi Thân Phụng. II. Nhan đề.	

Phiếu mục lục thủ công có phần liệt kê các tiêu đề đề mục

SỐ HIỆU	959.7041 RO-J
NHAN ĐỀ	Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt người Pháp
LẦN XUẤT BẢN	Thứ hai
NHÀ XUẤT BẢN	Hà Nội : ĐHQG Hà Nội , 1998
MÔ TẢ VẬT CHẤT	347 tr. : biểu đồ ; 19 cm .
TÁC GIẢ	Roy, Jules
DỊCH GIẢ	Bùi Thân Phụng
ĐỀ MỤC	1. Điện Biên Phủ, Trận đánh, 1954. 2. Việt Nam - Lịch sử - Kháng chiến chống Pháp, 1945 - 1954.

Biểu ghi mục lục trực tuyến có phần biên mục đề mục

- **Từ chuẩn, từ khóa trong ngôn ngữ hậu kết hợp:**

- Trong từ mục lục phiếu thủ công, nếu ta lấy 2 ví dụ trên với nhan đề: *Thực trạng kinh tế Việt Nam thời mở cửa*, ta có các từ chuẩn, từ khóa: *thực trạng - kinh tế - Việt Nam - mở cửa*. Với nhan đề: *Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc*, ta có các từ chuẩn, từ khóa: *quốc tế - bản sắc - hội nhập - giữ vững*. Nếu ta dùng một từ khóa ở trên đưa vào mục lục chủ đề, các chủ đề đó phản ánh một đề tài rất rộng, bao gồm rất nhiều tài liệu dưới một chủ đề, và mỗi chủ đề này không phản ánh chính xác nội dung của từng tài liệu. Còn ta không thể dùng toán tử boolean để kết hợp các từ chuẩn, từ khóa này trên phiếu mục lục thủ công.
- Do đó người ta thường chỉ dùng các từ chuẩn, từ khóa này trên mạng internet để tìm kiếm tài liệu.
- Nếu ta dùng mỗi từ chuẩn, từ khóa ở trên để truy hồi các tài liệu trên mạng internet, ta có thể có hàng ngàn tài liệu, có khi hàng chục ngàn dưới một từ khóa và những từ khóa này, như trên, cũng không phản ánh chính xác nội dung của mỗi tài liệu tìm được, gây lãng phí thời gian của người tìm tin.
- Nếu ta dùng toán tử Boolean như nêu ở trên để tìm kiếm tài liệu trên mạng internet, ta cũng có thể có hàng trăm tài liệu, có khi hàng nghìn dưới mỗi cấu trúc tổ hợp và một số lớn tài liệu trên tìm được dưới tổ hợp này cũng chỉ phản ánh một cách mơ hồ nội dung của chủ đề mà người tìm tin đang tìm kiếm

và làm mất thì giờ của người sử dụng trong việc lựa chọn, loại bỏ.

- Vì vậy, việc tìm kiếm tài liệu theo tiêu đề đề mục có tính cách chuẩn xác hơn.

Làm chỉ mục (indexing):

Đây là một dạng mô tả nội dung tài liệu mà ở đó người ta chọn ra những thuật ngữ thích hợp nhất để trình bày nội dung và những khái niệm mà tài liệu đề cập tới.

Nội dung của tài liệu được thể hiện bằng một tập hợp các từ vựng của ngôn ngữ tư liệu mà tài liệu đó sử dụng, lấy từ từ điển từ chuẩn, danh mục các từ khóa. Các thuật ngữ chọn ra được sắp xếp sao cho nó tạo thành như một dãy các chỉ dẫn, thường là theo thứ tự chữ cái, có xen kẽ các tham chiếu tương đương, hệ cấp hay liên hệ, giúp cho việc tìm tin.

Việc làm chỉ mục này thường được thể hiện ở cuối các tài liệu là sách dưới hình thức Bảng chỉ mục hay Bảng tra (index) và cũng thường được thể hiện ở các Sách chỉ mục phân tích các bài báo đăng trong các ấn phẩm định kỳ (indexes to periodical literature).

Tóm tắt (abstracting):

Đây là biên mục nội dung tài liệu ở mức độ cao hơn. Nó là công đoạn cô đọng nội dung tài liệu bằng một bản tóm lược với độ dài thay đổi tùy theo trình độ phân tích và giá trị của tài liệu được sử dụng. Tóm tắt có lợi ích kép là dễ ghi nhớ, rút gọn thời gian tra cứu tài liệu và cho phép người dùng tin dễ hình dung ra nội dung chứa trong tài liệu.

Đôi khi, ta có thể thấy những mục tóm tắt trong vùng phụ chú (notes) của biểu ghi mục lục. Ta cũng có thể tìm thấy các Sách tóm lược (abstracts) các bài viết đăng trong tạp chí, nhất là tạp chí y khoa, dưới hình thức các bảng chỉ mục. Các sách tóm lược này rất hữu ích cho các nhà nghiên cứu, nhất là các vị đang soạn luận án tiến sĩ, khi cần phải so sánh, lựa chọn và loại bỏ những ý kiến, những sáng kiến của người khác đã đề cập tới.

Sự cần thiết phải có một bộ tiêu đề đề mục bằng tiếng Việt.

Qua các phần trình bày ở trên, ta thấy rằng việc biên mục đề mục hết sức cần thiết cho công việc sưu tầm, khảo cứu của người sử dụng mà xưa nay ngành thông tin-thư viện và xuất bản của chúng ta đã thường bỏ qua.

Hiện nay, đa số các thư viện đã làm công tác phân loại trong biên mục; công việc làm bảng chỉ mục, sách chỉ mục và sách tóm lược là công việc của các nhà xuất bản. Thư viện của chúng ta ít ra cũng phải thực hiện công việc định đề mục hay chủ đề cho từng tài liệu bổ sung vào thư viện để giới thiệu rõ ràng và chính xác nội dung của từng tác phẩm cho người sử dụng.

Để thực hiện công việc định đề mục hay chủ đề, ta phải có một bộ tiêu đề đề mục bằng tiếng Việt, tốt hơn hết là chúng ta cứ dựa vào kinh nghiệm mà nước ngoài đã trải qua, những thành quả mà họ đã thu lượm được bằng cách chuyển dịch hai khung tiêu đề đề mục chuẩn đã nêu ở trên. Tuy nhiên, dịch *Khung Tiêu đề Đề mục của Thư viện Quốc hội Hoa kỳ* LCSH gần hơn 10000 trang là một vấn đề lâu dài và

phải trải qua nhiều giai đoạn điều chỉnh những sai sót, trùng lặp.

Vì vậy chúng ta nên xây dựng bộ tiêu đề đề mục này qua 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn 1:** *Soạn thảo một bộ tiêu đề đề mục cơ bản bằng tiếng Việt.*

Về điều này, chúng ta có thể dựa vào *Danh mục các Tiêu đề Đề mục của Sears* (Sears List of Subject Headings) dày 1000 trang để phiên dịch. Ban phiên dịch phải tuân thủ những nguyên tắc thiết lập tiêu đề đề mục của IFLA và phải trải qua một khóa đào tạo về biên mục đề mục.

- **Giai đoạn 2:** *Tích lũy các tiêu đề đề mục do từng thư viện soạn thảo.*

Từng thư viện sẽ dựa vào *Khung Tiêu đề Đề mục của Thư viện Quốc hội Hoa kỳ* LCSH (Library of Congress Subject Headings), thiết lập các tiêu đề đề mục bằng cách dịch, bổ sung cho bộ tiêu đề đề mục cơ bản bằng tiếng Việt. Khi biên mục một tài liệu, thư viện sẽ tích lũy các tiêu đề đề mục cho mục lục đề mục của thư viện mình. Như thế, khi thư viện này gia nhập một mạng lưới liên thông thư viện, các thư viện trong mạng sẽ ngời lại với nhau để chọn ra những tiêu đề đề mục được thiết lập đúng nguyên tắc, chính xác và chung cho mạng. Số lượng các tiêu đề đề mục trong danh mục các tiêu đề đề mục này càng ngày càng lớn lên cho đến khi các mạng liên thông trao đổi tài liệu, cơ sở dữ liệu với nhau, họ lại có dịp thống nhất lại các tiêu đề đề mục một lần nữa trên một diện rộng lớn hơn nhiều.

Đến một lúc nào đó, một ủy ban tiêu đề đề mục ở tầm cỡ quốc gia được thiết lập để kiểm định lại các tiêu đề đề mục đã được biên dịch, và đến lúc đó có thể tập

hợp lại để đưa ra một danh mục tiêu đề đề mục chính thức.

Tuy nhiên, các cán bộ biên mục đề mục của từng đơn vị, trong lúc chuyển dịch, cũng phải tuân thủ triệt để các nguyên tắc thiết lập tiêu đề đề mục của Liên hiệp các Hiệp hội Thư viện Thế Giới IFLA và cũng cần phải trải qua một khóa đào tạo về biên mục đề mục.

Trên đây là một số ý kiến liên quan đến việc biên mục nội dung các tài liệu, nhất là về sự cần thiết phải xây dựng một bộ tiêu đề đề mục bằng tiếng Việt để biên mục nội dung các tài liệu trong các thư viện, cơ sở thông tin tại Việt Nam. Mong rằng việc chuyển dịch một bộ tiêu đề đề mục cơ bản sang tiếng Việt sớm được thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andersen, Elaine, Marry Gosling và Marry Mortimer. *Learn basic library skills*. Canberra : DocMatrix, 1998.
2. Chan, Lois Mai. *IFLA principles for subject headings*. [Bài giảng powerpoint].
3. Chan, Lois Mai. *Subject headings vs Keywords*. [Bài giảng powerpoint].
4. Đoàn, Phan Tân. *Thông tin học : giáo trình dành cho sinh viên ngành thông tin - thư viện và quản trị thông tin*. Hà Nội : Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2001. 337 tr.
5. Ganendran, Jacki. *Learn subject access*. 2nd edition. Canberra : DocMatrix, 1998. 109 tr.
6. Lâm, Vĩnh Thế. *Góp ý về tiêu đề đề mục* // Bản tin điện tử Câu lạc bộ Thư viện. Số 1 (37) : tháng 3/2001.
7. Lê, Ngọc Oánh. *Biên mục mô tả*. [Giáo trình chưa xuất bản]. 130 tr.
8. Lê, Ngọc Oánh. *Những nguyên tắc định tiêu đề đề mục*.
http://www.hcmuns.edu.vn/GLIB_0001/clb/bantin/thietlapdm.htm
9. Lê, Ngọc Oánh. *Thiết lập các tiêu đề đề mục bằng tiếng Việt dựa trên cơ sở các hệ thống tiêu đề đề mục hoàn chỉnh bằng tiếng nước ngoài* // Bản tin Liên hiệp Thư viện : Kỷ niệm một năm thành lập FESAL. Tháng 11/2002. Tr. 18 - 21.
10. Mortimer, Marry. *Learn descriptive cataloguing*. 2nd edition. Canberra : DocMatrix, 1999.
11. Nguyễn, Cửu Sà. *Đôi điều về việc xây dựng hệ thống tiêu đề đề mục bằng tiếng Việt* // Sổ tay quản lý thông tin thư viện / Nguyễn Minh Hiệp chủ biên . [và các tác giả khác]. Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, 2002. Tr.215 - 219.
12. Nguyễn, Cửu Sà. *Về cấu trúc tiêu đề đề mục (subject headings)* // Sổ tay quản lý thông tin thư viện / Nguyễn Minh Hiệp chủ biên . [và các tác giả khác]. Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, 2002. Tr.177 - 181.
13. Nguyễn, Minh Hiệp. *Bài giảng cơ sở thông tin học*. [Giáo trình powerpoint].
14. Nguyễn, Minh Hiệp, Lê Ngọc Oánh và Dương Thúy Hương. *Tổng quan khoa học thông tin và thư viện*. Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh, 2001. vii, 179 tr., xx : tranh ảnh, biểu đồ ; 24 cm.